

**TỔNG CÔNG TY  
CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

**Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán  
cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019**



## **MỤC LỤC**

	Trang
<b>BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC</b>	1 – 3
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP</b>	4 – 5
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN</b>	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	6 – 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	11 – 38

995  
TY  
HỮU  
GÁN  
NAI  
50

# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 1. Tổng Công ty

Tổng Công ty Cơ Khí Giao Thông Vận Tải Sài Gòn – TNHH Một Thành viên (gọi tắt là "Tổng Công ty") là một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu, ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: 1.796.569.000.000 VND.

Trụ sở chính của Tổng Công ty được đặt tại số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Trong năm 2019, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

### 2. Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát

Các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát trong năm tài chính này và cho đến ngày lập báo cáo hợp nhất này bao gồm:

#### Hội đồng thành viên

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Nguyễn Hồng Anh	Việt Nam	Chủ tịch
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Thành viên
Ông Lê Quang Định	Việt Nam	Thành viên (đến ngày 01/11/2019)
Bà Trần Thị Ngọc Phương	Việt Nam	Thành viên
Ông Kiều Nam Thành	Việt Nam	Thành viên (từ ngày 21/10/2019)

#### Ban Tổng Giám đốc

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Pha	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tăng Thị Thu Lý	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Linh	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tám	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 01/07/2019)



# TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### Ban Kiểm soát

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Bà Đoàn Thị Thanh Nga	Việt Nam	Kiểm soát viên
Bà Võ Ngọc Thủy	Việt Nam	Kiểm soát viên

### Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và Tên	Quốc tịch	Chức vụ
Ông Trần Quốc Toàn	Việt Nam	Tổng Giám đốc
Ông Hồ Trọng Tiến	Việt Nam	Phó Tổng Giám đốc

### 3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất và đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc vào cùng ngày của Tổng Công ty. Để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp; và
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

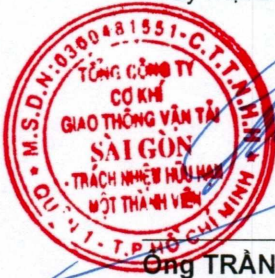
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

**7. Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi công bố Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2019, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Ông TRẦN QUỐC TOÀN**

**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020



Số: 381/2020/BCKTHNTT-HCM.00147

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN -  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên và các công ty con (được gọi chung là Tập đoàn), được lập ngày 30 tháng 06 năm 2020, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Đến ngày 31 tháng 12 năm 2019 công ty con là Công ty TNHH MTV Bến xe Miền Đông vẫn chưa có quyết định phê duyệt quỹ lương. Do đó, quỹ lương được trích trong năm 2019 là quỹ lương tạm tính. Nếu quỹ lương được duyệt thay đổi so với quỹ lương tạm tính sẽ làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tập đoàn dẫn đến lợi nhuận trong năm 2019 sẽ thay đổi theo một khoản tương ứng.





## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này được phát hành để thay thế cho Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Tập đoàn đã phát hành số 381/2020/BCKTHN-HCM.00147 ngày 15 tháng 04 năm 2020, với lý do Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn đã phát hành lại báo cáo kiểm toán để điều chỉnh một số khoản mục cho phù hợp với nội dung nghiệp vụ.



**TRANG ĐẮC NHA**  
Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2018-009-1  
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

**NGUYỄN THỊ THANH MINH**  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0068-2018-009-1



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>2.769.069.151.299</b>	<b>2.607.362.710.831</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5.1</b>	<b>748.906.878.257</b>	<b>288.116.818.474</b>
Tiền	111		585.149.220.827	136.023.510.051
Các khoản tương đương tiền	112		163.757.657.430	152.093.308.423
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>443.795.280.626</b>	<b>483.059.321.466</b>
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	443.795.280.626	483.059.321.466
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>611.634.487.972</b>	<b>723.762.823.833</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	446.545.593.694	521.488.402.160
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	58.931.808.593	115.267.162.772
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	5.5	366.286.634	366.286.634
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.6.1	206.235.561.624	187.552.911.357
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.7	(103.448.272.963)	(103.929.510.913)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		3.003.510.390	3.017.571.823
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5.8</b>	<b>908.657.726.948</b>	<b>1.069.682.492.166</b>
Hàng tồn kho	141		930.155.417.846	1.090.724.371.145
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.497.690.898)	(21.041.878.979)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>56.074.777.496</b>	<b>42.741.254.892</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.9.1	26.548.429.119	1.678.949.204
Thuế GTGT được khấu trừ	152	5.16	13.724.803.780	34.748.609.622
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.16	15.801.544.597	6.313.696.066
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**TÔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>4.561.547.541.661</b>	<b>4.181.445.861.892</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>51.078.125.223</b>	<b>33.234.833.223</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		1.974.540.083	1.974.540.083
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.6.2	49.103.585.140	31.260.293.140
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>954.784.523.920</b>	<b>896.376.395.435</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	5.10	933.170.726.961	877.078.783.248
Nguyên giá	222		2.366.565.329.942	2.176.679.443.975
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.433.394.602.981)	(1.299.600.660.727)
Tài sản cố định vô hình	227	5.11	21.613.796.959	19.297.612.187
Nguyên giá	228		38.317.484.804	34.362.695.304
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(16.703.687.845)	(15.065.083.117)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	5.12	<b>5.636.645.535</b>	<b>6.673.556.988</b>
Nguyên giá	231		37.488.593.253	37.488.593.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(31.851.947.718)	(30.815.036.265)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>1.162.166.946.519</b>	<b>929.972.201.301</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.13	1.162.166.946.519	929.972.201.301
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	5.2.2	<b>2.210.483.066.205</b>	<b>2.152.228.553.054</b>
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		2.048.583.066.205	1.990.328.553.054
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		200.000.000	200.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>177.398.234.259</b>	<b>162.960.321.891</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.9.2	174.715.735.101	157.028.124.048
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.682.499.158	5.932.197.843
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7.330.616.692.960</b>	<b>6.788.808.572.723</b>




**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**


Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

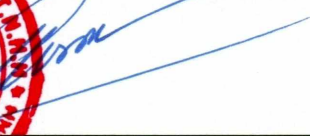
Ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.699.411.830.323</b>	<b>3.295.407.655.615</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.590.601.355.107</b>	<b>2.313.994.434.915</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	259.156.112.118	248.370.041.565
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	92.117.115.821	96.113.303.798
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.16	281.764.869.700	317.439.348.374
Phải trả người lao động	314		156.025.259.287	176.719.307.523
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.17.1	12.982.603.127	12.161.805.522
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.18.1	2.784.096.833	469.938.810
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.19.1	262.101.718.875	269.661.737.519
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.20.1	1.269.992.804.443	870.181.345.696
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		41.382.582	16.186.500.176
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		253.635.392.321	306.691.105.932
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.108.810.475.216</b>	<b>981.413.220.700</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	5.17.2	10.695.614.923	10.695.614.923
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.18.2	144.883.081.431	157.452.586.662
Phải trả dài hạn khác	337	5.19.2	395.493.636.472	394.208.210.722
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.20.2	481.736.747.123	320.430.526.393
Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343		76.001.395.267	98.626.282.000
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>3.631.204.862.637</b>	<b>3.493.400.917.108</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>3.631.204.862.637</b>	<b>3.493.400.917.108</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	5.21	1.796.569.000.000	1.796.569.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		104.672.342.985	111.300.464.278
Quỹ đầu tư phát triển	418	5.21	697.468.933.685	534.887.222.988
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	5.21	5.794.197.650	5.315.831.952
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	5.21	767.730.204.365	766.668.289.995
LNST chưa phân phối năm trước	421a		215.717.723.879	259.023.845.532
LNST chưa phân phối năm nay	421b		552.012.480.485	507.644.444.463
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		258.970.183.952	278.660.107.895
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7.330.616.692.960</b>	<b>6.788.808.572.723</b>

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
 Người lập

  
**HUỖNH THỊ HẠNH**  
 Kế toán trưởng



  
**TRẦN QUỐC TOÀN**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

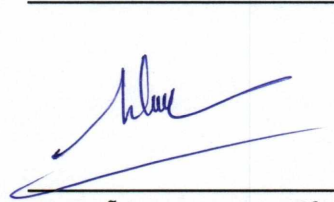


**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

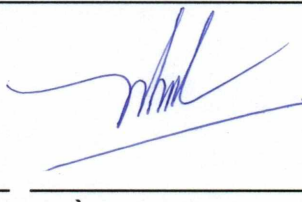
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>		<b>7.182.392.913.674</b>	<b>5.583.515.919.990</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		6.566.348	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	6.1	<b>7.182.386.347.326</b>	<b>5.583.515.919.990</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	6.2	<b>6.532.330.464.949</b>	<b>4.922.072.183.791</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>650.055.882.377</b>	<b>661.443.736.199</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	38.223.310.675	36.977.512.800
Chi phí tài chính	22	6.4	73.695.770.848	38.785.959.645
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		73.322.472.639	38.436.794.639
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		399.517.669.493	345.447.573.630
Chi phí bán hàng	25	6.5	176.598.798.637	150.671.558.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	266.272.789.146	320.799.454.669
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>571.229.503.914</b>	<b>533.611.849.887</b>
Thu nhập khác	31	6.7	136.497.248.678	132.985.904.948
Chi phí khác	32	6.8	26.351.127.586	32.508.959.130
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>110.146.121.092</b>	<b>100.476.945.818</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>681.375.625.006</b>	<b>634.088.795.705</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		72.116.987.331	72.432.571.394
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		3.249.698.685	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>606.008.938.990</b>	<b>561.656.224.311</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		552.012.480.485	507.644.444.463
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		53.996.458.505	54.011.779.848



**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
Người lập



**HUỲNH THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng



**TRẦN QUỐC TOÀN**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020

75-C  
Y  
TU H  
AN  
JAM  
CH




**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN - TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (theo phương pháp gián tiếp)**

Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

	Mã số	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	681.375.625.006	634.088.795.705
Khấu hao tài sản cố định	02	150.340.297.418	131.806.608.993
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	63.483.951.065	139.963.327.033
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá ngoại tệ	04	38.763.747	(87.508.666)
các khoản mục có số dư ngoại tệ cuối năm			
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(729.100.750.380)	(592.949.156.390)
Chi phí lãi vay	06	80.461.247.575	38.436.794.639
Các khoản điều chỉnh khác	07	15.300.000.000	10.700.000.000
<b>Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>261.899.134.431</b>	<b>361.958.861.314</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	123.934.902.018	(151.990.411.238)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	160.568.953.289	(296.535.950.989)
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(6.305.048.641)	44.966.159.619
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(42.557.090.968)	2.916.586.751
Tiền lãi vay đã trả	14	(63.227.481.308)	(33.092.279.853)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(80.512.431.190)	(89.923.888.451)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	215.344.000	56.141.938.326
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(185.894.315.044)	(239.204.354.978)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>168.121.966.587</b>	<b>(344.763.339.499)</b>
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(214.306.796.029)	(443.911.620.614)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	3.948.349.091	5.160.544.009
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(603.700.000.000)	(690.302.300.517)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	675.551.655.873	564.596.207.179
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.101.872.092)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	2.343.599.182	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	350.411.046.031	398.630.402.086
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>214.247.854.148</b>	<b>(167.928.639.949)</b>
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.280.356.049.911	4.065.656.220.945
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(4.749.188.125.446)	(3.683.120.580.023)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(452.719.352.089)	(331.799.385.312)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>78.448.572.376</b>	<b>50.736.255.610</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM</b>	<b>50</b>	<b>460.818.393.111</b>	<b>(461.955.723.838)</b>
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU NĂM</b>	<b>60</b>	<b>288.116.818.474</b>	<b>750.029.642.577</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(28.333.328)	42.899.735
<b>TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM</b>		<b>906.878.257</b>	<b>288.116.818.474</b>



**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
Người lập



**HUỲNH THỊ HẠNH**  
Kế toán trưởng



**TRẦN QUỐC TOÀN**  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG****1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cơ khí Giao thông Vận tải Sài Gòn – Trách nhiệm hữu hạn một thành viên là doanh nghiệp Nhà nước được thành lập theo quyết định số 172/2004/QĐ-UB ngày 15 tháng 7 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty Nhà nước số 4106000074 đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 10 năm 2004.

Từ ngày 31 tháng 8 năm 2010 Tổng Công ty được chuyển đổi sang loại hình Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo hình thức Tổng Công ty - Công ty con theo quyết định số 2988/QĐ-UBND của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh ban hành ngày 7 tháng 7 năm 2010. Tổng Công ty hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một Thành Viên mã số doanh nghiệp: 0300481551 đăng ký lần đầu ngày 31 tháng 8 năm 2010 và được thay đổi lần thứ 7 ngày 24 tháng 11 năm 2015.

**1.2 Lĩnh vực kinh doanh**

Tổng Công ty hoạt động trong lĩnh vực thương mại, sản xuất.

**1.3 Ngành nghề kinh doanh**

Trong năm 2019, hoạt động chính của Tổng Công ty là Sản xuất đóng mới lắp ráp xe buýt, xe chuyên dùng, đại lý kinh doanh mua bán xe ô tô, dịch vụ sửa chữa xe ô tô, thầu xây dựng các công trình và tư vấn xây dựng, kinh doanh cho thuê kho bãi, nhà xưởng.

**1.4 Chu kỳ kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty không quá 12 tháng.

**1.5 Cấu trúc Tập đoàn**

Tổng Công ty có các công ty con được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH MTV Cảng Bến Nghé	Số 09 Đường Bến Nghé, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Cung cấp các dịch vụ bốc xếp, nâng, hạ container, phí ra cảng, cho thuê phương tiện thiết bị xe cẩu, xe nâng, cho thuê kho bãi và giao nhận hàng hóa.	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty TNHH MTV Bến Xe Miền Đông	Số 292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	100,00%	100,00%	100,00%



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty Xây Dựng Giao Thông Sài Gòn	163 Điện Biên Phủ, Phường 15, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty CP Cảng Tôn Thất Thuyết	Số 42, 42A, 42C Tôn Thất Thuyết, Phường 4, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh bốc xếp hàng hóa, kinh doanh dịch vụ kho bãi, dịch vụ sửa chữa tàu ghe, cung ứng hàng hóa ăn uống và nhà trọ, kinh doanh vật tư, thiết bị, phụ tùng cho ngành, đại lý giao nhận kiểm đếm, đóng gói hàng hóa.	76,73%	76,73%	76,73%
Công ty CP Bến Bãi Vận Tải Sài Gòn	Số 720, QL 1A, KP 3B, Phường. Thạnh Lộc, Quận 12, TP. Hồ Chí Minh	Quản lý và thực hiện các dịch vụ cung ứng đối với phương tiện vận tải hàng hóa lưu đậu tại bến xe.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Bến Xe Miền Tây	Số 395 Kinh Dương Vương, An Lạc, Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác và kinh doanh bến xe, vận tải hành khách công cộng liên tỉnh và nội địa, khai thác dịch vụ phục vụ trong bến xe, khai thác kinh doanh vận chuyển hành khách tham quan du lịch liên tỉnh và nội địa.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn	Số 09 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa, dịch vụ đại lý tàu biển và giao nhận, dịch vụ hậu cần.	51,00%	51,00%	51,00%
Công ty Cổ phần Saigonship Đà Nẵng (công ty con gián tiếp)	Khu B1-6 KCN Dịch vụ Thủy sản Thọ Quang, P. Thọ Quang, TP. Đà Nẵng	Vận tải hàng hóa đường bộ.	56,44%	56,44%	31,72%

**Các công ty liên doanh được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
Công ty TNHH VT Kumho Samco Buslines	292 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 26, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	Vận chuyển hành khách, thuê xe hợp đồng, đưa rước nhân viên, vận chuyển hàng hóa, dịch vụ sửa chữa và bảo dưỡng.	51,00%	50,00%	51,00%



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	151A Lý Thường Kiệt, Phường 6, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ vận chuyển, cho thuê thiết bị và điều hành tour du lịch.	50,00%	50,00%	50,00%
---------------------------------------	---	--	--------	--------	--------

**Các công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	Số 39 Hải Thượng Lãn Ông, Phường 10, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Dịch vụ xe buýt, du lịch lữ hành nội địa và quốc tế.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	Số 18 Đào Trí, phường Phú Thuận, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh	Đóng mới, sửa chữa phương tiện vận tải thủy, sửa chữa giàn khoan và công trình trên biển.	49,00%	49,00%	49,00%
Công ty CP Công Trình GT Quận 8	Số 124 Tùng Thiện Vương, Phường 11, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh	Xây dựng cầu đường.	48,47%	48,47%	48,47%
Công ty CP Hòa Phú	Số 121 Cô Giang, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Đầu tư kỹ thuật, dịch vụ tư vấn đầu tư, sản xuất nước tinh khiết.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty CP Ô tô An Thái	268 Kinh Dương Vương, Phường An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh	Sửa chữa bảo hành xe ô tô, xe cơ giới (không gia công cơ khí tại trụ sở), mua bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô.	40,00%	40,00%	56,36%
Công ty TNHH Ô tô Toyota Samco	264 Trần Hưng Đạo, Phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh xe ô tô hạng sang – phụ tùng – phụ kiện - sửa chữa và bảo dưỡng ô tô các loại.	40,00%	40,00%	40,00%
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	26 Kinh Dương Vương, P.13, Q.6, TP. Hồ Chí Minh	Chuyên bán các loại xe ô tô Toyota mới, dịch vụ bảo hành, bảo trì, sửa chữa xe ô tô.	37,67%	37,67%	37,67%
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	Số 33 Lê Quốc Hưng, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	Khai thác, xử lý và cung cấp nước, Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.	36,60%	36,60%	36,60%
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	Số 54 Kinh Dương Vương, Phường 13, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh	Kinh doanh vận tải hành khách liên tỉnh.	31,26%	31,26%	31,26%
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	Số 13 Quang Trung, Phường 8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất xe có động cơ.	30,00%	30,00%	30,00%
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	Số 51/13, Tân Kỳ Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	29,93%	29,93%	29,93%



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	Số 695 Quang Trung, P8, Quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh	Hoạt động trong lĩnh vực lắp ráp và phân phối các sản phẩm xe thương mại nhãn hiệu Isuzu.	20,00%	20,00%	20,00%
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	Số 9 Nguyễn Công Trứ, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	26,01%	26,01%	13,27%
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	7-9-11 Mai Thị Lựu, P. Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa đường bộ.	24,99%	24,99%	12,74%
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	Khu phố 4, Phường Phú Hữu, Quận 9, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hoá đường bộ, đường biển.	45,15%	45,15%	45,15%

Công ty liên kết không được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	Số 9 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Vận tải đường thủy	51,00%	50,00%	26,01%

Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon là công ty liên kết của Công ty CP Vận Tải Biển Sài Gòn (công ty con). Lý do không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu là Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon đang trong quá trình thanh lý, giải thể.

**1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất**

Các số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 so sánh được với số liệu tương ứng của năm trước.

**2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.



### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **3.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính, thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Thông tư số 202/2014/TT-BTC và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài Chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC và Thông tư 202/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

#### **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

#### **Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại**

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm.

### **Đầu tư vào các công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách đó.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trong bảng cân đối kế toán, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của các công ty liên kết. Nếu phần sở hữu của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư, Tập đoàn không phải tiếp tục phản ánh các khoản lỗ phát sinh sau đó trên báo cáo tài chính hợp nhất. Trong trường hợp này, giá trị khoản đầu tư được trình bày trên báo cáo tài chính là bằng không (0). Nếu sau đó công ty liên kết hoạt động có lãi, Tập đoàn chỉ được ghi nhận phần sở hữu của mình trong khoản lãi đó sau khi đã bù đắp được phần lỗ thuần chưa được hạch toán trước đây.

### **Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tập đoàn và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là quyền cùng chi phối của các bên góp vốn liên doanh về các chính sách tài chính và hoạt động đối với một hoạt động kinh tế trên cơ sở thỏa thuận bằng hợp đồng.

Phần vốn góp của Tập đoàn vào cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Trường hợp Tập đoàn giao dịch với các đơn vị liên doanh của Tập đoàn, lãi/lỗ chưa thực hiện, tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào đơn vị liên doanh được loại bỏ khỏi báo cáo tài chính hợp nhất.

#### **4.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

### **4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### **4.4 Các khoản đầu tư tài chính**

Đầu tư ngắn hạn và đầu tư dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư (nếu có).

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

#### **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

### **4.5 Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.



#### **4.6 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau: nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Đối với dịch vụ sửa chữa và lắp ráp xe, Tập đoàn áp dụng hình thức khoán vật tư, nhân công theo định mức cho từng loại dịch vụ.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công và chi phí sản xuất chung.

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do giảm giá vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn có thể xảy ra (giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời,...) dựa trên bằng chứng hợp lý về sự giảm giá trị vào thời điểm cuối năm tài chính. Các khoản tăng hoặc giảm dự phòng này được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **4.7 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định, những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau:

	Năm
Nhà, xưởng, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 08
Phương tiện vận tải	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 07
Tài sản cố định khác	04 – 07

#### **4.8 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.



Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

#### **Phần mềm máy tính**

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa.

Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 02 – 05 năm.

#### **4.9 Chi phí xây dựng cơ bản**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở trạng thái sẵn sàng sử dụng.

#### **4.10 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước chủ yếu bao gồm tiền thuê đất và chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này, trong đó:

	Năm
Tiền thuê đất	50
Chi phí công cụ dụng cụ xuất dùng	03

#### **4.11 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp dịch vụ.

#### **4.12 Quỹ phát triển khoa học công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được thành lập nhằm tạo nguồn tài chính đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Tập đoàn như sau:

- Cấp kinh phí để thực hiện các đề tài, dự án khoa học và công nghệ.
- Hỗ trợ phát triển khoa học và công nghệ:
  - Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật cho hoạt động khoa học và công nghệ.
  - Mua máy móc, thiết bị để đổi mới công nghệ trực tiếp sử dụng vào việc sản xuất sản phẩm.
  - Mua bản quyền công nghệ, quyền sử dụng, quyền sở hữu sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, thông tin khoa học và công nghệ, các tài liệu, sản phẩm có liên quan để phục vụ cho hoạt động khoa học và công nghệ.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

- Trả lương, chi thuê chuyên gia hoặc hợp đồng với tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ.
- Chi phí cho đào tạo nhân lực khoa học và công nghệ theo qui định của pháp luật về khoa học và công nghệ.
- Chi cho các hoạt động sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất.
- Chi phí cho các hoạt động hợp tác nghiên cứu, triển khai về khoa học và công nghệ với các tổ chức, doanh nghiệp Việt Nam.

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích bằng 1-3% thu nhập tính thuế trong năm theo điều lệ tổ chức và hoạt động của quỹ và được hạch toán vào chi phí. Nếu trong năm, chi cho hoạt động khoa học công nghệ vượt số dư hiện có tại quỹ thì khoản chi vượt được lấy từ số trích lập quỹ của các năm sau.

### **4.13 Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của chủ sở hữu.

### **4.14 Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các chủ sở hữu được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

### **4.15 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính trong năm trừ khi chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

### **4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

#### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng trong năm bao gồm doanh thu đại lý mua bán xe các loại và xe buýt tự sản xuất, xe chuyên dùng tự sản xuất và nhập khẩu.

#### **Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

### **Doanh thu hoạt động tài chính**

#### **Tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### **Thu nhập khác**

Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định; Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu; Các khoản thu nhập khác.

#### **Cổ tức, Lợi nhuận còn lại**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### **4.17 Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư nợ trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của khoản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Theo qui định hiện hành, các báo cáo thuế của các Công ty trong Tập đoàn sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Sự khác biệt giữa số thuế được quyết toán và số liệu của Báo cáo tài chính (nếu có) sẽ được điều chỉnh sau khi có quyết toán.

### **4.18 Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**4.19 Các bên có liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động.

Các công ty sau đây được xem là các bên có liên quan:

Bên liên quan	Địa điểm	Mối quan hệ
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên doanh
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Đón Tàu An Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Hoà Phú	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH DV Ô tô SG Toyota Tsusho	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Ô tô An Thái	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty CP Công Trình Giao thông Quận 8	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận kho vận Bình Minh	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty TNHH Dịch vụ Công Ten nơ ERRIA	TP. HCM	Công ty Liên kết
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	TP. HCM	Công ty Liên kết

Các cá nhân được xem là các bên có liên quan: các nhân sự chủ chốt của Tổng Công ty (gồm các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty và Ban kiểm soát).

**5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền mặt tồn quỹ	13.220.647.908	19.787.647.148
Tiền gửi ngân hàng	571.928.572.919	116.235.862.903
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng	163.757.657.430	152.093.308.423
	<b>748.906.878.257</b>	<b>288.116.818.474</b>

**5.2 Các khoản đầu tư****5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn**

Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng dưới 1 năm.



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.2.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	(1)	2.048.583.066.205	1.990.328.553.054
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	(2)	161.700.000.000	161.700.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(3)	200.000.000	200.000.000
		<b>2.210.483.066.205</b>	<b>2.152.228.553.054</b>

(1) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:

		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công ty CP Đóng Tàu An Phú		23.915.034.363	27.333.334.088
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines		151.678.045.745	147.406.758.613
Công ty TNHH Isuzu Việt Nam		289.294.002.160	261.468.905.766
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam		903.589.301.330	868.427.584.525
Công ty TNHH Dịch Vụ Ô Tô Sài Gòn Toyota Tshusho		43.352.512.980	44.265.697.887
Công ty CP Hòa Phú		41.329.736.709	39.970.331.778
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn		1.367.827.850	1.367.827.850
Công ty CP Vận Tải Ô Tô Số 2		21.704.053.055	21.871.009.552
Công ty LD Vận tải Thủy Sea Sài Gòn		18.983.934.769	18.983.934.769
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco		132.976.197.036	107.393.333.056
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn		20.953.792.941	20.630.925.162
Công ty LD giao nhận kho vận Bình Minh		41.185.476.857	43.529.076.039
Công ty CP Công Trình GT Quận 8		533.719.850	809.487.296
Công ty CP Tân Cảng - Phú Hữu		95.729.446.217	93.176.920.656
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn		220.857.400.137	248.863.945.057
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây		19.201.064.003	18.938.840.226
Công ty CP Ô tô An Thái		21.931.520.203	25.890.640.734
		<b>2.048.583.066.205</b>	<b>1.990.328.553.054</b>

(2) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư vào Công ty CP Cảng Phú Định với tỷ lệ góp vốn là 16,17%.

(3) Là giá trị của 20 trái phiếu Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam.

**5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

		31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bên liên quan</b>			
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn		14.950.618.037	24.485.193.251
Công ty TNHH Liên doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh		136.613.900	1.195.566.815
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam		574.788.449	1.254.076.695
Công ty TNHH Vận Tải Kumho Samco Buslines		532.329.923	542.539.032
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco		119.657.600	164.745.641
Công ty TNHH Vận Tải Ngôi Sao Sài Gòn		-	26.086.000
Công ty TNHH Mercedes Benz Việt Nam		8.764.290	8.764.290
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây		47.880.000.000	-
<b>Các tổ chức khác</b>			
Công ty CP XD TM Phú Mỹ Lợi		66.612.281.596	56.445.868.776
Các khách hàng khác		315.730.539.899	437.365.561.660
		<b>446.545.593.694</b>	<b>521.488.402.160</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	-	26.292.019.547
Công ty CP Hòa Phú	12.000.000.000	12.000.000.000
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	2.873.506.403	430.900.000
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	15.032.116.738	-
Các nhà cung cấp khác	29.026.185.452	76.544.243.225
	<b>58.931.808.593</b>	<b>115.267.162.772</b>

**5.5 Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	366.286.634	366.286.634
	<b>366.286.634</b>	<b>366.286.634</b>

**5.6 Các khoản phải thu ngắn hạn, dài hạn khác****5.6.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Phải thu bên liên quan</b>				
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	46.232.387.788	-	-	-
Công ty CP Xe Khách và DV Miền Tây	1.734.930.000	-	-	-
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	3.362.058.371	-	381.394.079	-
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	123.605.791	(123.605.791)	123.605.791	(123.605.791)
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	31.375.877.043	-	29.941.453.324	-
Công ty Liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	(5.849.054.747)	5.849.054.747	(5.849.054.747)
Công ty TNHH Liên Doanh Giao nhận Kho vận Bình Minh	22.103.000	-	33.116.904	-
Công ty CP Xe khách Sài Gòn	30.000.000	-	30.000.000	-
<b>Các khoản phải thu khác</b>				
Phải thu cổ phần hóa	199.827.356	-	1.329.858.453	-
Lãi dự thu, lãi cho vay phải thu	3.030.078.692	-	3.163.243.477	-
Tạm ứng	14.895.308.881	(6.139.708)	17.076.353.155	-
Ký quỹ	3.482.700.000	(39.300.000)	3.058.700.001	(39.300.000)
Phải thu khác	95.897.629.955	(2.579.047.856)	126.566.131.426	(2.571.655.877)
	<b>206.235.561.624</b>	<b>(8.597.148.102)</b>	<b>187.552.911.357</b>	<b>(8.583.616.415)</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.6.2 Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/12/2019</b>		<b>01/01/2019</b>	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bà Nguyễn Thị Khương – ký quỹ	38.552.292.000	-	28.800.000.000	-
Công ty TNHH SX – TM Hồng Tiến Phát – ký quỹ	8.000.000.000	-	-	-
Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh – ký quỹ	1.075.048.140	-	1.075.048.140	-
Ký quỹ khác	593.000.000	-	593.000.000	-
Phải thu khác	883.245.000	-	792.245.000	-
	<b>49.103.585.140</b>	<b>-</b>	<b>31.260.293.140</b>	<b>-</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.7 Nợ xấu**

	31/12/2019		01/01/2019		
	Giá gốc VND	Giá trị có thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc thẻ thu hồi VND	Dự phòng VND
<b>Bên liên quan</b>					
Công ty liên doanh Vận tải thủy Sea Saigon	5.849.054.747	-	(5.849.054.747)	5.849.054.747	(5.849.054.747)
Công ty TNHH Vận Tải Sông Sài Gòn	489.892.425	-	(489.892.425)	489.892.425	(489.892.425)
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	619.490.295	-	(619.490.295)	619.490.295	(619.490.295)
Công ty TNHH Mercedes Benz VN	8.764.290	-	(8.764.290)	8.764.290	(8.764.290)
Công ty CP Đóng Tàu An Phú	3.003.510.390	-	(3.003.510.390)	3.003.510.390	(3.003.510.390)
<b>Các khách hàng khác</b>					
Công ty TNHH Quốc Đạt	5.128.185.922	-	(5.128.185.922)	5.128.185.922	(5.128.185.922)
Công ty TNHH TM DV Phượng Hoàng	3.122.999.995	-	(3.122.999.995)	3.122.999.995	(3.122.999.995)
Các khách hàng khác	85.322.970.399	-	(85.226.374.899)	85.707.612.849	(85.707.612.849)
	<b>103.544.868.463</b>	-	<b>(103.448.272.963)</b>	<b>103.929.510.913</b>	<b>(103.929.510.913)</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.8 Hàng tồn kho**

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	237.781.818	-	10.131.503.138	-
Nguyên liệu, vật liệu	325.040.362.186	-	330.573.952.870	-
Công cụ dụng cụ	1.357.940.367	(455.811.919)	1.119.206.646	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	106.909.552.156	(21.041.878.979)	206.803.480.210	(21.041.878.979)
Thành phẩm	256.586.173.694	-	383.856.180.006	-
Hàng hóa	237.691.161.369	-	156.068.290.828	-
Hàng gửi đi bán	2.332.446.256	-	2.171.757.447	-
	<b>930.155.417.846</b>	<b>(21.497.690.898)</b>	<b>1.090.724.371.145</b>	<b>(21.041.878.979)</b>

**5.9 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**

**5.9.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Chi phí sửa chữa	25.530.534.832	280.112.155
Chi phí khác	1.017.894.287	1.398.837.049
	<b>26.548.429.119</b>	<b>1.678.949.204</b>

**5.9.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền thuê đất	81.060.773.853	65.194.636.161
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Cảng Phú Hữu	41.735.485.081	41.913.566.499
Chi phí san lấp mặt bằng Cảng Phú Hữu	30.504.311.630	36.299.526.022
Chi phí sửa chữa	2.975.247.246	2.846.506.668
Công cụ dụng cụ	591.638.739	488.932.423
Chi phí khác	17.848.278.552	10.284.956.275
	<b>174.715.735.101</b>	<b>157.028.124.048</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.10 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>						
Tại ngày 01/01/2019	1.370.540.898.185	234.314.393.397	472.920.994.467	25.768.676.291	73.134.481.635	2.176.679.443.975
Mua sắm trong năm	11.466.337.202	14.112.929.280	22.665.854.067	1.248.403.857	900.379.560	50.393.903.966
Đầu tư XDCB hoàn thành	52.793.765.505	95.436.586.429	-	69.409.093	6.084.036.034	154.383.797.061
Tặng khác	-	66.000.000	-	2.034.429.636	-	2.100.429.636
Giảm do thanh lý	(1.679.577.436)	(2.750.658.396)	(10.862.073.733)	(817.074.877)	(833.281.472)	(16.942.665.914)
Giảm khác	(49.578.782)	-	-	-	-	(49.578.782)
Tại ngày 31/12/2019	1.433.071.844.674	341.179.250.710	484.724.774.801	28.303.844.000	79.285.615.757	<b>2.366.565.329.942</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Tại ngày 01/01/2019	693.692.937.883	151.630.326.984	373.453.486.809	22.275.790.027	58.548.119.024	1.299.600.660.727
Khấu hao trong năm	73.163.950.443	35.050.987.098	29.795.255.255	2.276.020.324	8.103.953.536	148.390.166.656
Giảm do thanh lý	(1.464.603.432)	(2.720.591.191)	(9.216.783.572)	(817.074.877)	(353.300.188)	(14.572.353.260)
Giảm khác	(23.871.142)	-	-	-	-	(23.871.142)
Tại ngày 31/12/2019	765.368.413.752	183.960.722.891	394.031.958.492	23.734.735.474	66.298.772.372	<b>1.433.394.602.981</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2019	676.847.960.302	82.684.066.413	99.467.507.658	3.492.886.264	14.586.362.611	877.078.783.248
Tại ngày 31/12/2019	667.703.430.922	157.218.527.819	90.692.816.309	4.569.108.526	12.986.843.385	<b>933.170.726.961</b>

FC  
KIE  
ACH  
C  
300



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.11 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy tính VND	Hệ thống quản lý chất lượng VND	Quyền sử dụng đất VND	Lợi thế thương mại VND	Chi phí giải phóng mặt bằng VND	Tài sản vô hình khác VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>							
Tại ngày 01/01/2019	12.069.010.771	122.000.000	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	113.300.000	34.362.695.304
Tăng trong năm	490.317.000	-	-	-	-	84.000.000	574.317.000
Hình thành từ quý PT KH và công nghệ	3.380.472.500	-	-	-	-	-	3.380.472.500
Tại ngày 31/12/2019	15.939.800.271	122.000.000	11.192.092.000	1.425.873.503	9.440.419.030	197.300.000	<b>38.317.484.804</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>							
Tại ngày 01/01/2019	10.034.884.698	11.522.223	877.402.000	1.425.873.503	2.602.100.693	113.300.000	15.065.083.117
Khấu hao trong năm	1.360.150.979	40.666.668	-	-	209.787.084	27.999.997	1.638.604.728
Tại ngày 31/12/2019	11.395.035.677	52.188.891	877.402.000	1.425.873.503	2.811.887.777	141.299.997	<b>16.703.687.845</b>
<b>Giá trị còn lại</b>							
Tại ngày 01/01/2019	2.034.126.073	110.477.777	10.314.690.000	-	6.838.318.337	-	19.297.612.187
Tại ngày 31/12/2019	4.544.764.594	69.811.109	10.314.690.000	-	6.628.531.253	56.000.003	<b>21.613.796.959</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.12 Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Nhà kho, bến bãi VND	Quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Tại ngày 01/01/2019	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	37.488.593.253
Tại ngày 31/12/2019	10.525.737.911	8.992.704.000	17.970.151.342	<b>37.488.593.253</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Tại ngày 01/01/2019	8.733.519.298	4.739.749.102	17.341.767.865	30.815.036.265
Khấu hao trong năm	213.846.000	194.681.976	628.383.477	1.036.911.453
Tại ngày 31/12/2019	8.947.365.298	4.934.431.078	17.970.151.342	<b>31.851.947.718</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày 01/01/2019	1.792.218.613	4.252.954.898	628.383.477	6.673.556.988
Tại ngày 31/12/2019	1.578.372.613	4.058.272.922	-	<b>5.636.645.535</b>

**5.13 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công trình xây dựng Bến xe Miền Đông mới	1.062.640.512.224	799.240.869.121
Các công trình khác	99.526.434.295	130.731.332.180
	<b>1.162.166.946.519</b>	<b>929.972.201.301</b>

**5.14 Phải trả người bán ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty TNHH Ô tô Isuzu Việt Nam	63.047.304.020	30.464.917.800
Công ty CP Vận Tải Ô tô Số 2	8.061.999.998	2.346.545.454
Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	472.946.824	604.512.154
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	-	328.119.068
Công ty CP Hòa Phú	2.222.000	43.701.000
Công ty CP Ô tô An Thái	84.981.000	2.010.498
<b>Các tổ chức khác</b>		
Công ty TNHH XD - TM Khải Thành	27.365.045.225	54.602.471.440
Các nhà cung cấp khác	160.121.613.051	159.977.764.151
	<b>259.156.112.118</b>	<b>248.370.041.565</b>

**5.15 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bên liên quan</b>		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	39.570.000	-
Công ty CP Xe khách và Dịch vụ Miền Tây	-	20.000.000
<b>Các tổ chức khác</b>		
Ban quản lý Dự án đầu tư XD các công trình giao thông	28.657.071.839	-
Ban quản lý các công trình xây dựng khu vực Quận 12	12.338.798.000	-
Các khách hàng khác	51.081.675.982	96.093.303.798
	<b>92.117.115.821</b>	<b>96.113.303.798</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**  
Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.16 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

**5.16.1. Thuế giá trị gia tăng (“GTGT”) đầu vào được khấu trừ**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	13.724.803.780	34.748.609.622

**5.16.2 Thuế và các khoản phải nộp / (phải thu) Nhà nước**

	01/01/2019		Số phát sinh trong năm		31/12/2019	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp VND	Số đã nộp/khấu trừ VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra phải nộp	5.425.805.916	(359.990.080)	90.464.450.216	(88.727.926.484)	6.802.339.568	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	348.749.610	-	8.694.287.296	(9.043.036.906)	-	-
Thuế nhập khẩu	3.487.496.098	-	9.201.238.421	(12.688.734.519)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.185.199.441	(1.783.944.408)	72.121.026.531	(80.512.431.190)	10.400.340.896	(10.390.490.522)
Thuế thu nhập cá nhân	2.573.015.168	(3.695.480.813)	37.583.372.178	(36.765.021.914)	3.597.648.160	(3.901.763.541)
Thuế nhà thầu	448.955.409	-	4.646.000	(47.758.700)	405.842.709	-
Thuế tài nguyên	-	-	7.606.480	(7.606.480)	-	-
Tiền thuế đất	9.638.462.072	(451.790.294)	43.958.931.720	(46.833.333.693)	7.799.069.868	(1.486.800.063)
Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	5.731.488.441	-	18.691.156.070	(18.691.156.070)	5.731.488.441	-
Các khoản phải nộp khác	279.600.176.219	(22.490.471)	361.014.812.437	(393.586.848.598)	247.028.140.058	(22.490.471)
	<b>317.439.348.374</b>	<b>(6.313.696.066)</b>	<b>641.741.527.349</b>	<b>(686.903.854.554)</b>	<b>281.764.869.700</b>	<b>(15.801.544.597)</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.17 Chi phí phải trả ngắn hạn, dài hạn****5.17.1 Chi phí phải trả ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Công trình xây dựng	8.691.598.898	4.443.318.625
Chi phí khác	4.291.004.229	7.718.486.897
	<u>12.982.603.127</u>	<u>12.161.805.522</u>

**5.17.2 Chi phí phải trả dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Tiền thuê đất	10.695.614.923	10.695.614.923
	<u>10.695.614.923</u>	<u>10.695.614.923</u>

**5.18 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn và dài hạn****5.18.1 Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Doanh thu cho thuê tài sản nhận trước	1.920.000.000	-
Dịch vụ sửa chữa	732.076.228	356.961.779
Doanh thu chưa thực hiện khác	132.020.605	112.977.031
	<u>2.784.096.833</u>	<u>469.938.810</u>

**5.18.2 Doanh thu chưa thực hiện dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Bên liên quan</b> - Dịch vụ cho thuê mặt bằng, nhà xưởng		
- Công ty TNHH Ô tô Toyotsu Samco	98.023.445.177	103.298.249.405
- Công ty TNHH DV Ô tô Sài Gòn Toyota Tsusho	43.781.658.641	45.970.741.577
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn khác	3.077.977.613	8.183.595.680
	<u>144.883.081.431</u>	<u>157.452.586.662</u>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**5.19 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác****5.19.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	5.713.523.520	5.723.985.770
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline	414.643.500	401.753.500
Công ty Cổ phần Tân Cảng – Phú Hữu	54.604.639	-
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	10.451.500	7.230.000
Công ty CP Cảng Phú Định	-	50.000
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>		
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.837.625.308	15.759.009.591
Nhận ký quỹ ngắn hạn	9.178.861.643	8.943.306.923
Phải trả Công ty TNHH Minh Thành Hưng	213.179.108.380	203.250.248.315
Phải trả khác	27.712.900.385	35.576.153.420
	<b>262.101.718.875</b>	<b>269.661.737.519</b>

**5.19.2 Phải trả dài hạn khác**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
<b>Phải trả bên liên quan</b>		
Công ty CP Xe Khách Sài Gòn	56.720.000	56.720.000
Công ty TNHH Vận tải Kumho Samco Busline	44.985.000	41.985.000
Công ty TNHH Vận tải Ngôi sao Sài Gòn	12.530.000	13.770.000
<b>Phải trả các đối tượng khác</b>		
Nhận ký quỹ dài hạn	9.522.975.400	8.790.375.400
Ngân sách cấp tiền dự án Bến xe Miền Đông mới	372.341.745.999	372.220.247.999
Phải trả khác	13.514.680.073	13.085.112.323
	<b>395.493.636.472</b>	<b>394.208.210.722</b>

**5.20 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn, dài hạn****5.20.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vay ngắn hạn		
- Ngân hàng	1.097.293.234.625	726.293.555.959
- Các đơn vị khác	112.925.610.085	112.770.510.085
- Kỳ phiếu nội bộ	4.950.000.000	5.480.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	54.823.959.733	25.637.279.652
	<b>1.269.992.804.443</b>	<b>870.181.345.696</b>

**5.20.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Vay dài hạn		
- Ngân hàng	506.058.364.196	315.565.463.385
- Các đơn vị khác	30.502.342.660	30.502.342.660
Trừ: Vay dài hạn đến hạn trả	(54.823.959.733)	(25.637.279.652)
	<b>481.736.747.123</b>	<b>320.430.526.393</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TÀI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

5.21	Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu		Quý đầu tư phát triển		Quý hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp		Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Tổng cộng	
		VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
	Số dư 01/01/2018	1.754.858.280.515	407.750.996.318	161.357.400.554	910.045.101.648	3.234.011.779.035					
	Tăng vốn trong năm	41.710.719.485	(41.710.719.485)	-	-	-	-	-	-	-	-
	Lợi nhuận trong năm	-	-	-	479.155.899.656	479.155.899.656	-	-	479.155.899.656	479.155.899.656	
	Trích quỹ đầu tư phát triển	-	185.382.678.948	-	(185.382.678.948)	-	-	-	(185.382.678.948)	-	
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(59.500.534.073)	-	-	-	(59.500.534.073)	(59.500.534.073)	
	Tăng khác	-	5.972.257	501.229.749	-	507.202.006	-	-	507.202.006	507.202.006	
	Kết chuyển nợ ngân sách và giảm khác	-	-	(156.542.798.351)	(348.513.108.718)	(505.055.907.069)	-	-	(505.055.907.069)	(505.055.907.069)	
	Số dư 31/12/2018	1.796.569.000.000	551.428.928.038	5.315.831.952	795.804.679.565	3.149.118.439.555					
	Điều chỉnh theo kết quả kiểm tra của các cơ quan quản lý Nhà nước	-	(16.541.705.050)	-	(29.136.389.570)	(45.678.094.620)	-	-	(45.678.094.620)	(45.678.094.620)	
	Số dư 01/01/2019	1.796.569.000.000	534.887.222.988	5.315.831.952	766.668.289.995	3.103.440.344.935					
	Lợi nhuận trong năm	-	-	-	552.012.480.485	552.012.480.485	-	-	552.012.480.485	552.012.480.485	
	Trích quỹ đầu tư phát triển	-	172.792.067.244	-	(172.792.067.244)	-	-	-	(172.792.067.244)	-	
	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(90.412.052.668)	(90.412.052.668)	-	-	(90.412.052.668)	(90.412.052.668)	
	Tăng, giảm khác	-	(10.210.356.547)	478.365.698	-	(9.731.990.849)	-	-	(9.731.990.849)	(9.731.990.849)	
	Kết chuyển nợ ngân sách, chia lợi nhuận, tăng giảm khác	-	-	-	(287.746.446.203)	(287.746.446.203)	-	-	(287.746.446.203)	(287.746.446.203)	
	Số dư 31/12/2019	1.796.569.000.000	697.468.933.685	5.794.197.650	767.730.204.365	3.267.562.335.700					

**5.22 Khoản mục ngoại bảng cân đối kế toán hợp nhất**

	31/12/2019	01/01/2019
Dolla Mỹ (USD)	603.189,25	226.492,71





**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****6.1 Doanh thu thuần**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
<b>Doanh thu bán hàng</b>		
Doanh thu bán hàng hóa	4.616.747.053.080	3.206.122.938.594
Doanh thu tiêu thụ thành phẩm	896.858.610.996	838.210.875.970
Doanh thu khác	1.668.787.249.598	1.539.182.105.426
	<b>7.182.392.913.674</b>	<b>5.583.515.919.990</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	(6.566.348)	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>7.182.386.347.326</b>	<b>5.583.515.919.990</b>

**6.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Giá vốn bán hàng hóa	4.458.832.973.069	3.071.971.710.878
Giá vốn tiêu thụ thành phẩm	828.932.949.440	763.457.434.261
Giá vốn khác	1.244.564.542.440	1.086.643.038.652
	<b>6.532.330.464.949</b>	<b>4.922.072.183.791</b>

**6.3 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	36.773.935.958	33.819.012.868
Lãi bán các khoản đầu tư	16.050.000	15.800.000
Lãi tỷ giá hối đoái	176.286.493	1.126.768.945
Thu nhập tài chính khác	1.257.038.224	2.015.930.987
	<b>38.223.310.675</b>	<b>36.977.512.800</b>

**6.4 Chi phí tài chính**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí lãi vay	73.322.472.639	38.436.794.639
Lỗ tỷ giá hối đoái	373.296.627	41.163.103
Chi phí tài chính khác	1.582	308.001.903
	<b>73.695.770.848</b>	<b>38.785.959.645</b>

**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**6.5 Chi phí bán hàng**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên	23.806.361.471	30.513.673.003
Chi phí vật liệu	2.458.267.106	3.385.911.054
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.776.223.308	2.444.359.032
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.415.748.073	6.351.603.932
Chi phí bảo hành	7.484.995.008	5.450.688.262
Chi phí bán hàng khác	131.657.203.671	102.525.323.145
	<b>176.598.798.637</b>	<b>150.671.558.428</b>

**6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Chi phí nhân viên quản lý	141.313.220.492	127.265.443.574
Chi phí vật liệu	1.188.477.763	1.320.434.929
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.266.037.175	4.726.521.852
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.362.423.128	9.396.854.197
Thuế, phí và lệ phí	11.640.152.688	10.872.037.308
Chi phí / (hoàn nhập) dự phòng	(15.680.435.646)	77.801.457.978
Trích quỹ khoa học công nghệ	11.200.000.000	10.900.000.000
Chi phí bằng tiền khác	102.982.913.546	78.516.704.831
	<b>266.272.789.146</b>	<b>320.799.454.669</b>

**6.7 Thu nhập khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	2.534.059.811	1.513.232.800
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	28.481.610.549
Thu từ cho thuê mặt bằng	55.353.458.774	55.673.074.548
Thu nhập khác	78.609.730.093	47.317.987.051
	<b>136.497.248.678</b>	<b>132.985.904.948</b>

**6.8 Chi phí khác**

	Năm 2019 VND	Năm 2018 VND
Lỗ từ thanh lý tài sản cố định	191.337.640	7.261.820
Phạt vi phạm hành chính	9.626.484.361	4.780.252.595
Chi phí khác	16.533.305.585	27.721.444.715
	<b>26.351.127.586</b>	<b>32.508.959.130</b>



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

**7. CÁC THÔNG TIN KHÁC****7.1 Thông tin bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Tập đoàn.

Chúng tôi không trình bày Báo cáo bộ phận trên báo cáo tài chính bởi vì Ban Tổng Giám đốc đã đánh giá và kết luận rằng Tập đoàn hiện chỉ đang hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực là mua bán xe – phụ tùng xe, dịch vụ kèm theo,... và chủ yếu tập trung hoạt động ở khu vực Thành phố Hồ Chí Minh.

**7.2 Số liệu so sánh**

Tổng Công ty trình bày lại một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 căn cứ theo kết quả kiểm tra của Tổng cục thuế; Cục kiểm tra sau thông quan; Thông báo của Sở lao động Thương binh và Xã hội TP. Hồ Chí Minh và phân loại lại cho phù hợp. Việc trình bày lại này làm thay đổi số liệu so sánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

		31/12/2018		01/01/2019
	Mã số	Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Số liệu sau điều chỉnh VND
<b>Bảng cân đối kế toán hợp nhất</b>				
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	520.933.899.728	554.502.432	521.488.402.160
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	115.239.662.772	27.500.000	115.267.162.772
Phải thu ngắn hạn khác	136	170.845.869.924	16.707.041.433	187.552.911.357
Hàng tồn kho	141	1.088.637.003.942	2.087.367.203	1.090.724.371.145
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	1.534.249.204	144.700.000	1.678.949.204
Thuế GTGT được khấu trừ	152	34.708.021.414	40.588.208	34.748.609.622
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	7.175.784.987	(862.088.921)	6.313.696.066
Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	1.974.540.083	1.974.540.083
Phải thu dài hạn khác	216	33.234.833.223	(1.974.540.083)	31.260.293.140
Nguyên giá TSCĐ hữu hình	222	2.176.071.433.707	608.010.268	2.176.679.443.975
Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	223	(1.299.985.201.860)	384.541.133	(1.299.600.660.727)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	929.753.655.847	218.545.454	929.972.201.301
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	2.019.946.661.582	(29.618.108.528)	1.990.328.553.054
Chi phí trả trước dài hạn	261	141.187.674.249	15.840.449.799	157.028.124.048
Phải trả người bán ngắn hạn	311	248.598.133.503	(228.091.938)	248.370.041.565
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	96.323.503.798	(210.200.000)	96.113.303.798
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	286.061.076.160	31.378.272.214	317.439.348.374
Phải trả người lao động	314	180.127.765.500	(3.408.457.977)	176.719.307.523
Phải trả ngắn hạn khác	319	234.656.029.591	35.005.707.928	269.661.737.519
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322	314.335.374.878	(7.644.268.946)	306.691.105.932
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	160.534.404.842	(3.081.818.180)	157.452.586.662
Quỹ đầu tư phát triển	418	551.428.928.038	(16.541.705.050)	534.887.222.988
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	795.804.679.565	(29.136.389.570)	766.668.289.995



**TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ GIAO THÔNG VẬN TẢI SÀI GÒN – TNHH MỘT THÀNH VIÊN**

Số 262 – 264 Trần Hưng Đạo, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh


**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**


Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019


	Mã số	Năm 2018 Số liệu trước điều chỉnh VND	Các điều chỉnh VND	Năm 2018 Số liệu sau điều chỉnh VND
<b>Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất</b>				
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.580.127.260.037	3.388.659.953	5.583.515.919.990
Giá vốn hàng bán	11	4.927.937.098.758	(5.864.914.967)	4.922.072.183.791
Doanh thu hoạt động tài chính	21	36.645.352.758	332.160.042	36.977.512.800
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24	357.992.322.690	(12.544.749.060)	345.447.573.630
Chi phí bán hàng	25	165.341.517.592	(14.669.959.164)	150.671.558.428
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	323.153.708.927	(2.354.254.258)	320.799.454.669
Thu nhập khác	31	116.250.086.049	16.735.818.899	132.985.904.948
Chi phí khác	32	31.445.942.133	1.063.016.997	32.508.959.130
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	71.419.157.264	1.013.414.130	72.432.571.394
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	532.931.637.215	28.724.587.096	561.656.224.311
<b>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất</b>				
Lợi nhuận trước thuế	01	604.350.794.479	29.738.001.226	634.088.795.705
Khấu hao tài sản cố định	02	132.218.365.754	(411.756.761)	131.806.608.993
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	234.428.223.556	(386.418.634.794)	(151.990.411.238)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(294.448.583.786)	(2.087.367.203)	(296.535.950.989)
(Tăng)/giảm các khoản phải trả	11	14.278.436.360	30.687.723.259	44.966.159.619
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	18.741.882.364	(15.825.295.613)	2.916.586.751
Tiền chi khác từ hoạt kinh doanh	17	(239.204.354.979)	1	(239.204.354.978)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(2.101.872.092)	(2.101.872.092)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	(2.101.872.092)	2.101.872.092	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	30.866.898.552	367.763.503.534	398.630.402.086
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	7.227.015.822.747	(3.161.359.601.802)	4.065.656.220.945
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(6.845.561.384.235)	3.162.440.804.212	(3.683.120.580.023)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(307.272.009.253)	(24.527.376.059)	(331.799.385.312)

**7.3 Thông tin khác**

Do công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xe Khách Sài Gòn đã phát hành lại báo cáo kiểm toán năm 2019 vào ngày 29 tháng 06 năm 2020 để điều chỉnh một số khoản mục cho phù hợp với nội dung nghiệp vụ nên Tổng Công ty điều chỉnh ảnh hưởng và công bố lại báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019 này.

  
**NGUYỄN THỊ BẠCH HUỆ**  
 Người lập

  
**HUỲNH THỊ HẠNH**  
 Kế toán trưởng

  
**TRẦN QUỐC TOÀN**  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 06 năm 2020